

# Ngân hàng ngầm tại Trung Quốc và khuyến nghị quản lý ngân hàng ngầm ở Việt Nam

Nguyễn Thị Thủy  
 Nguyễn Thị Kiều Trang  
 Đặng Quốc Hương

Ngày nhận: 10/01/2017

Ngày nhận bản sửa: 08/09/2017

Ngày duyệt đăng: 28/09/2017

*Ngân hàng ngầm là một hình thức trung gian tín dụng được phát triển nhanh chóng trên toàn cầu cũng như ở Trung Quốc. Ngân hàng ngầm cung cấp dịch vụ mang lại lợi ích tài chính cho khách hàng và nền kinh tế, tuy nhiên cấu trúc và hoạt động của nó còn thiếu minh bạch và dễ gây ra rủi ro cho hệ thống tài chính ngân hàng (Poschmann, 2014). Bài viết nghiên cứu một số công cụ, rủi ro tiềm tàng trong hoạt động của các ngân hàng ngầm ở Trung Quốc, xem xét khuôn khổ giám sát hệ thống ngân hàng ngầm ở Trung Quốc, đồng thời xem xét bối cảnh hoạt động ngân hàng ngầm ở Việt Nam, qua đó đưa ra một số khuyến nghị nhằm quản lý hoạt động ngân hàng ngầm ở Việt Nam.*

*Từ khóa: Ngân hàng ngầm (Shadow banking), Trung Quốc, Việt Nam.*

(People's Bank of China-PBOC) sử dụng rộng rãi là dựa trên quan điểm của Ủy ban ổn định tài chính (Financial Stability Board's- FSB). Ngân hàng [hệ thống] ngầm<sup>1</sup> là trung gian tín dụng liên quan đến các tổ chức và các hoạt động bên ngoài hệ thống ngân hàng truyền thống nhằm cung cấp “thanh khoản và tín dụng chuyển đổi và có thể là nguồn gốc của rủi ro hệ thống hoặc lợi dụng kẽ hở pháp luật” (Eliot, Douglas and Kroeber, Arthur and Qiao, Yu, 3/2015). Dựa theo quan điểm này cùng với hệ thống thị trường, hệ thống ngân hàng ngầm ở Trung Quốc bao gồm những công cụ chủ yếu sau (Bảng 2): Sản phẩm quản lý tài sản và cho vay ủy thác (chiếm 50%), phần còn lại bao gồm: Hối phiếu, cho vay tín chấp, tín dụng đen, cho vay từ công ty tài chính, và các công cụ khác (thuê tài chính, tín dụng vi mô,

## 1. Hệ thống ngân hàng ngầm ở Trung Quốc

### 1.1. Khái niệm và các công cụ ngân hàng ngầm ở Trung Quốc

**N**gân hàng ngầm không phải là một hiện tượng mới, nhưng

thuật ngữ này chỉ mới được đưa vào sử dụng rộng rãi và chưa có định nghĩa thống nhất. Với mục tiêu quản lý, giám sát, điều hành hệ thống ngân hàng ngầm và cùng với nhiều đặc thù riêng của quốc gia, các học giả Trung Quốc đã đưa ra các quan điểm khác nhau về hoạt động ngân hàng ngầm. Nhưng định nghĩa được Ngân hàng Trung Ương Trung Quốc

<sup>1</sup> Một số định nghĩa thêm về ngân hàng ngầm ở các quốc gia khác nhau có trong Bảng 1 (Sheng, Andrew, et al, 2015)

**Bảng 1. Định nghĩa ngân hàng ngầm ở một số nước**

Australia



Tổ chức tài chính không có quy định bảo hiểm và thực hiện vai trò trung gian tín dụng

Hồng Kông



Các trung gian tài chính tạo ra rủi ro hệ thống (chủ yếu là thực hiện kỳ hạn / chuyển đổi thanh khoản và dễ bị ảnh hưởng tới phá sản) và những rủi ro này không được giảm nhẹ một cách hiệu quả theo quy định hoặc giám sát

Trung Quốc



Các cá nhân và các hoạt động bên ngoài hệ thống ngân hàng truyền thống tham gia vào các trung gian tín dụng với các chức năng của thanh khoản và tín dụng biến đổi sẽ tạo ra rủi ro hệ thống hoặc chênh lệch giá quy định.

Indonesia



Tổ chức tài chính có liên quan đến chuyển đổi kỳ hạn, đòn bẩy và chuyển giao rủi ro tín dụng, không phải chịu sự giám sát và quy định bảo đảm an toàn, và vỡ nợ hay kiệt kế sẽ tạo ra rủi ro hệ thống

Philippines



Tổ chức tài chính cung cấp hạn mức tín dụng và tài chính ngoài hệ thống ngân hàng truyền thống và không phải chịu yêu cầu quản lý và giám sát ngân hàng

Malaysia



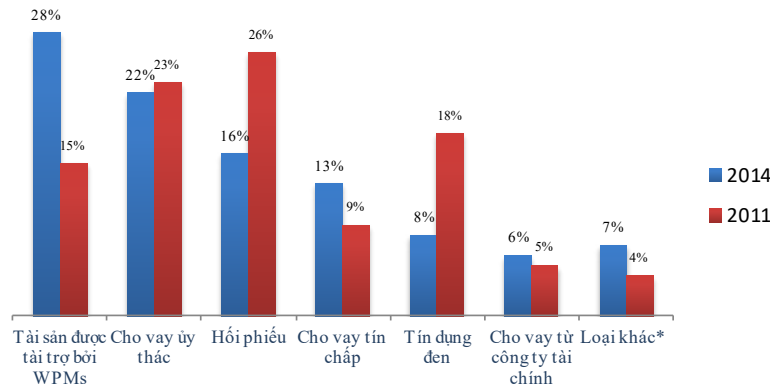
Hệ thống trung gian tín dụng có liên quan đến các tổ chức và các hoạt động bên ngoài ngân hàng truyền thống

Note OFIs stands for Other Financial Institutions, NBFIs stands for Non-bank Financial Institutions.

Source FSB "Shadow Banking in Asia" (Aug. 2014), Oliver Wyman analysis.

**Bảng 2. Cơ cấu các công cụ của ngân hàng ngầm ở Trung Quốc\*\***

	2014	2011
Tài sản được tài trợ bởi WPMs	28%	15%
Cho vay ủy thác	22%	23%
Hối phiếu	16%	26%
Cho vay tín chấp	13%	9%
Tín dụng đen	8%	18%
Cho vay từ công ty tài chính	6%	5%
Loại khác*	7%	4%



\* Thuế tài chính, tín dụng vi mô, hiệu cầm đồ, cho vay tư nhân giữa các cá nhân, chứng khoán có đảm bảo bằng tài sản

\*\* Cho vay ủy thác và các tài sản được tài trợ bởi các sản phẩm quản lý tài sản (chứng khoán ngắn hạn được hỗ trợ bởi các khoản vay ngân hàng thực hiện cho vay thương mại) đã phát triển tương đối so với các thành phần ngân hàng ngầm khác, mặc dù tăng trưởng hiện nay đang chậm lại

Nguồn: Moody's Investment

hiệu cầm đồ, cho vay tư nhân giữa các cá nhân peer-to-peer, chứng khoán có đảm bảo bằng tài sản) (Wei Jiang, 2014).

**Các sản phẩm quản lý tài sản (Wealth management products- WMPs)**

Hệ thống ngân hàng ngầm

của Trung Quốc đã tăng gấp 6 lần trong 3 năm qua, chủ yếu do sản phẩm WMP (Wealth-management Product)<sup>2</sup>. Nhà

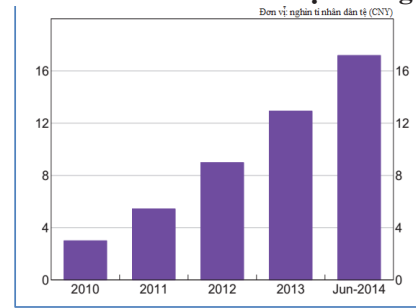
<sup>2</sup> WMPs tại Trung Quốc là những sản phẩm đầu tư đem lại mức lãi suất cố định cao hơn mức lãi suất tiền gửi thông thường và thường được sử dụng để cung cấp vốn cho các lĩnh vực mà tín dụng ngân hàng bị hạn chế. WMPs hầu hết là

các đảm bảo ngắn hạn, có những sản phẩm chỉ có thời hạn đảm bảo vài tuần. Các tài sản cần bảo lãnh thì rất đa dạng từ trái phiếu doanh nghiệp đến các dự án hạ tầng dài hạn. Đến 6/11/2015, tại Trung Quốc đã có 6.735 WMPs được phát hành với tỉ suất sinh lời trung bình là 4,41%/năm trong khi mức trần lãi suất tiền gửi thông thường là 3%/năm. (Nguồn: <http://en.xinfinance.com/html/Industries/Finance/2015/163160.shtml>)

**Bảng 3. Kết quả từ sản phẩm quản lý tài sản (WMPs)**



**Bảng 4. WMPs lưu hành trên thị trường**



Nguồn: CBRC, CEIC Dât, China Trustee Association, People's Bank of China, RBA, Securities Association of China

ngiên cứu hàng đầu về vấn đề ngân hàng ngầm, Charlene Chu tại Fitch đưa ra một số đặc điểm của WMPs như sau:

- Giống như tiền gửi tiết kiệm, chúng có thể dễ dàng chuyển ra chuyển vào bảng cân đối tài sản của ngân hàng nhằm đáp ứng các yêu cầu về mặt pháp lý. Ví dụ như chuyển ra để giảm dự trữ bắt buộc và chuyển vào để đáp ứng tỷ lệ cho vay trên tổng huy động vào cuối kỳ kế toán.
- Là công cụ vay hoặc cho vay, và ngân hàng giao dịch bằng WMPs do chính mình hoặc do ngân hàng khác phát hành. Điều đó khiến tài sản và công nợ có liên quan tới WMPs biến thành một bảng cân đối kế toán thứ hai, nhưng không có

khả năng thanh khoản, dự trữ, cũng không phải vốn để chi trả và hấp thụ thua lỗ.

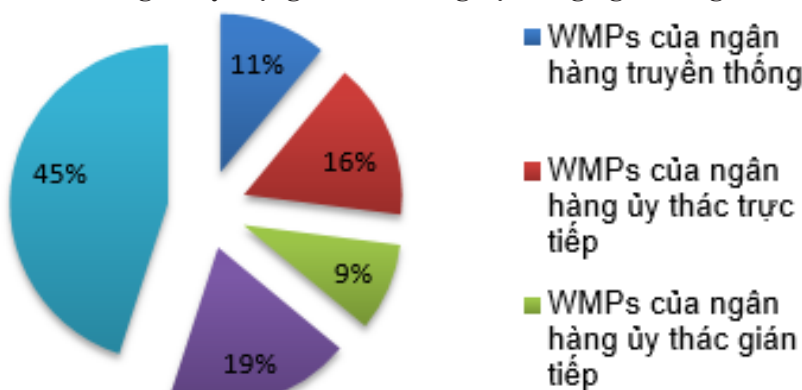
WMPs tăng trưởng nhanh chóng trong những năm gần đây. Theo số liệu của PBOC, tính đến 30/6/2014, giá trị WMPs đã vượt qua 17 nghìn tỷ nhân dân tệ (gần 3 nghìn tỷ USD) chiếm tới khoảng 25% GDP nước này. Bảng 3 và Bảng 4 minh họa sự phát triển của WMPs từ năm 2010 đến tháng 6/2014.

WMPs được quản lý trực tiếp từ các ngân hàng. Hiện có 2 loại WMPs, một do ngân hàng phát hành, một do ngân hàng kinh doanh với tư cách đại lý bán cho một định chế khác. Ở trường hợp thứ nhất, cả tiền gốc và lãi được bảo lãnh và

lãi suất có xu hướng thấp hơn. Có 2 hình thức bảo lãnh chính: Thông qua ngân hàng truyền thống hoặc kết hợp ngân hàng và các công ty ủy thác. Đến giữa năm 2014, 11% WMPs được phát triển và quản lý bởi các ngân hàng truyền thống (Bảng 5). Các sản phẩm này tương tự như các khoản tiền gửi thông thường nhưng vẫn đem lại một khoản lợi nhuận cao hơn trần lãi suất thông thường. Loại hình WMPs này được bảo lãnh bởi ngân hàng và được ghi vào bảng cân đối kế toán của ngân hàng.

Trong khi đó, trường hợp thứ 2 không có bảo lãnh nhưng lãi suất cao hơn và tài sản WMPs không được tính vào bảng cân đối kế toán của ngân hàng nhằm tránh sự quản lý của nhà nước. Các sản phẩm này được phát hành thông qua các đại lý (chủ yếu là ngân hàng đầu tư và công ty chứng khoán) chiếm tới 45% WMPs<sup>3</sup>.

**Bảng 5: Tỷ trọng WMPs trong hệ thống ngân hàng**



Nguồn: CBRC, China Trustee Association

**Cho vay ủy thác<sup>4</sup>**

<sup>3</sup> <http://cafef.vn/tai-chinh-quoc-te/wmp-chieu-moi-cua-ngan-hang-trung-quoc-20121212042457190.chn>

<http://www.rba.gov.au/publications/bulletin/2015/jun/pdf/bu-0615-7.pdf>

<sup>4</sup> Cho vay ủy thác được hiểu đơn giản các khoản "vay vốn ngầm" giữa các công ty đặc biệt là từ công ty

**Bảng 6. Cho vay ủy thác trong giai đoạn 2004-2013**

Bảng bao gồm 2,995 khoản vay ủy thác giai đoạn 2004- 2013

*DVT: tỷ NDT*

	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	Tổng
Số DN cho vay ủy thác	55	51	53	65	99	95	116	176	177	220	1.107
Số khoản vay ủy thác	116	98	102	151	209	208	280	530	626	675	2.995
Tổng dư nợ ủy thác	12,6	9,3	12,6	23,6	38,2	32,5	41,1	100,5	202,2	219,2	-

*Nguồn: Entrusted loans: A close look at China's Shadow Banking System*

**Bảng 7. Chi tiết ngành nghề cho vay ủy thác**

*DVT: tỷ NDT*

Ngành	Người Cho vay			Người đi vay		
	Tổng	Cv K liên kết	Cv liên kết	Tổng	Cv K liên kết	Cv liên kết
Nông nghiệp	0,5	0,5	0	1,3	0,6	0,7
Ô tô và phụ kiện ô tô	<b>48,8</b>	1,9	46,9	<b>46,4</b>	0,4	46
Vật liệu xây dựng	10	0,2	9,8	10,7	1,7	9
Hóa chất	25,5	5	20,5	21,2	1,1	20,1
Than và khai khoáng	<b>249</b>	1,8	247,2	<b>257,6</b>	0,7	256,9
Thương mại	16,9	9,3	7,6	4,5	1,8	2,7
Địa chất	11,3	0,6	10,7	11,8	8,6	3,2
Văn hóa và truyền thông	5	2,9	2,1	0,3	0,2	0,1
Giáo dục, tài chính	-			2	1	1
Thiết bị điện dân dụng	3,6	1,7	1,9	2,5	0,6	1,9
Công nghệ thông tin	10,3	4	6,3	5,8	0,8	5
Thực phẩm	11,7	1	10,7	10,7	0,3	10,4
Khách sạn, du lịch	1,1	0,3	0,8	4,5	2,5	2
Lắp máy	15	1,6	13,4	13,5	0,9	12,6
SX sắt	4,8	1,6	3,2	6,6	0,1	6,5
Công nghiệp chiếu sáng	2	0,7	1,3	0,3	0,3	0
Công nghiệp giấy và in ấn	7,6	0,3	7,3	7,2	0,3	6,9
Dược phẩm	11,5	1,4	10,1	9,7	0,3	9,4
BDS và xây dựng	<b>53,1</b>	4,2	48,9	<b>99,7</b>	21,9	77,8
Thép	12,1	0,2	11,9	4,3	0,4	3,9
May mặc	6,8	2,6	4,2	2,3	0,1	2,2
Vận tải	<b>38,6</b>	3,5	35,1	<b>31,5</b>	2,7	28,8
Đồ gia dụng	<b>146,6</b>	2,2	144,4	<b>131,6</b>	0,2	131,4
Người vay không xác định danh tính			0	5,8		5,8
<b>Tổng</b>	<b>691,8</b>	<b>47,5</b>	<b>644,3</b>	<b>691,8</b>	<b>47,5</b>	<b>644,3</b>

*Nguồn: Entrusted loans: A close look at China's Shadow Banking System*

Với chính sách tiền tệ bị thắt

sở hữu Nhà nước (SOEs) sang các công ty kém liên kết khác, thường là các ngân hàng hoặc tổ chức tài chính tương tự như một trung gian. Nó được coi là giao dịch ngoại bảng, cho vay ủy thác ảnh hưởng đến cả rủi ro tín dụng của ngân hàng cũng như tỷ lệ vay trên vốn huy động.

chặt vào năm 2010 và 2011 đã làm cho hệ thống cho vay ủy thác phát triển rất nhanh chóng. Các ngân hàng thương mại (NHTM) thiết lập mối quan hệ với các công ty quản lý tài sản ủy thác, vốn đầu

tư để mở rộng lượng dự trữ bắt buộc theo yêu cầu của chính phủ về quản lý vay nợ. (Hsu, J.L.a.S., 2012). Cụ thể, theo Bảng 6, số lượng doanh nghiệp cho vay ủy thác tăng từ 55 năm 2004 lên 220 vào

năm 2013. Tổng số tiền vay có một bước nhảy vọt mười lần từ 12,6 tỷ NDT trong năm 2004 lên tới 219,2 tỷ NDT trong năm 2013 (Franklin Allen, 2015). Cụ thể qua Bảng 7, ngành cho vay chiếm tỷ trọng lớn nhất là than và khai khoáng với 36% tổng số tiền (249 tỷ NDT), theo sau là ngành đồ gia dụng (21,2%), bất động sản và xây dựng (7,7%), ô tô và phụ tùng ô tô (7,1%) và vận tải (5,6%). Điều thú vị là 5 ngành này cũng nhận được số tiền lớn nhất từ các khoản vay than và khai khoáng (37,2% của tổng số tiền), đồ gia dụng (19,0%), bất động sản và xây dựng (14,4%), ô tô và phụ tùng ô tô (6,7%), và vận tải (4,6%). Nếu tính giá trị tiền ròng (đi vay-cho vay) thì ngành tiếp nhận vay ròng mạnh nhất là bất động sản và xây dựng (46,6 tỷ đồng). Điều này không đáng ngạc nhiên vì tầm quan trọng của bất động sản và xây dựng là một trong những ngành công nghiệp mũi nhọn trong nền kinh tế của Trung Quốc (Franklin Allen, 2015). Cho đến nay, ủy thác cho vay chiếm tỷ trọng lớn thứ hai của hoạt động ngân hàng ngầm của Trung Quốc và chiếm khoảng 15% tổng nhu cầu tài chính của đất nước (Franklin Allen and Qian, 2015). Tuy nhiên với mức lãi suất cho vay ủy thác là 13,9% cao gấp đôi mức lãi suất cho vay của hệ thống NHTM là 6,4% (Allen, May 2015) và cùng với tình trạng bất ổn về thị trường tài chính, các tổ chức cho các công ty và cá nhân vay tiền đang phải thanh toán hết các khoản cho vay và nợ, bởi vì

người vay không thể trả tiền, trong khi các nhà đầu tư đòi rút vốn. Có thể thấy rằng, thị trường tài chính Trung Quốc đang phải đối mặt với quá nhiều nguy cơ. Các công ty cho vay thông qua mạng lưới vốn đang tập trung vào thị trường chứng khoán, sẽ phải thay đổi mục tiêu sang các thị trường nhỏ hơn.

### 1.2. *Rủi ro hệ thống ngân hàng ngầm tại Trung Quốc*

Hầu hết những ai quan tâm đến hệ thống ngân hàng ngầm đều cho rằng hệ thống này ở Trung Quốc ít rủi ro, nguy hiểm hơn ở các nước phương Tây nhờ vào quy mô nhỏ và tính đơn giản của nó. Tuy nhiên, rất nhiều giao dịch trong lĩnh vực dịch vụ xã hội tại Trung Quốc được thực hiện bởi các công ty vừa và nhỏ (SMEs) và các công ty này lại không thể tiếp cận đến những nguồn vốn vay chính thống trong nền kinh tế. Vì vậy, hệ thống tồn tại những rủi ro như sau:

- (1) *Nguồn cung cấp không tin cậy*: Rủi ro lớn nhất trong hệ thống ngầm của Trung Quốc không phải là sự quá tự do trong việc trao đổi buôn bán các sản phẩm chứng khoán phái sinh hay là vỡ bong bóng chứng khoán mà là việc hệ thống ngân hàng ngầm có thể bị thiếu hụt nguồn vốn. Nếu như các nhà đầu tư dừng việc mua bán các chứng chỉ tiền gửi WMPs, ngân hàng và các tổ chức tài chính khác sẽ không còn lựa chọn nào khác ngoài việc dừng cấp vốn cho các công ty mới thành lập.
- (2) *Thất thoát vốn đầu tư*:

Đứng đầu trong các rủi ro của hệ thống tài chính Trung Quốc là việc sai lệch kỳ hạn giữa các sản phẩm đầu tư ngắn hạn và các khoản nợ dài hạn. Lợi nhuận có được của WMPs là dựa trên các tài sản cơ sở của nó<sup>5</sup>, mà thời hạn của các WMPs thường ngắn hơn rất nhiều- kỳ hạn trung bình thường dưới 3 tháng, nhưng thậm chí có những khoản WMPs có thể dùng để đầu tư bất động sản hoặc những khoản tín dụng dài hạn khác. Ở mức độ này, nhu cầu cần thiết để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn bằng các công cụ tài chính ngắn hạn đã tạo điều kiện để phát triển các cấu trúc kiểu như Ponzi<sup>6</sup> và thị trường repo. (thị trường repo là loại hình giao dịch mà nhà đầu tư có thể mua và bán chứng khoán của chính mình trong khoản thời gian thỏa thuận nhất định với công ty chứng khoán). Zheng Michael Song và Kinda Hackem của Đại học Chicago đã ước tính rằng quy mô giao dịch ở các thị trường repo đã lớn gấp hơn 3 lần vào năm 2013 so

<sup>5</sup> Underlying assets: là tài sản mà giá của các công cụ chứng khoán phái sinh phụ thuộc vào. Tài sản cơ sở được chia làm 4 loại chính: hàng hoá, cổ phiếu phổ thông và các chỉ số chứng khoán, các loại chứng khoán có thu nhập cố định, và ngoại tệ (Nguồn: <http://www.saga.vn/thuat-ngu/underlying-asset-tai-san-co-so-tai-san-goc~3753>).

<sup>6</sup> Cấu trúc "Ponzi": Một hoạt động đầu tư lừa đảo hứa hẹn mang lại lợi nhuận cao với ít rủi ro. Mô hình này đem lại lợi nhuận cho các nhà đầu tư tham gia trước bằng cách mời gọi thêm các nhà đầu tư mới. "Kế hoạch Ponzi" chỉ mang lại lợi nhuận cho những nhà đầu tư đến sớm, cho đến khi nào còn có nhà đầu tư mới tham gia (Nguồn: <http://www.saga.vn/thuat-ngu/ponzi-scheme-ponzi-scam-ke-hoach-ponzi~3721>).

với năm 2008 với sự tham gia của 4 ngân hàng lớn nhất của Trung Quốc<sup>7</sup> với vai trò cung cấp thanh khoản chính.

(3) *Nợ xấu*: Mặc dù nợ xấu không phổ biến ở Trung Quốc nhưng nguy cơ tiềm ẩn của nó rất cao vì những người vay nợ chủ yếu là các SMEs và các doanh nghiệp mới với nguy cơ không trả được nợ cao hơn nhiều các khách hàng vay nợ khác. Đặc biệt rủi ro nợ xấu đang tăng nhanh trong lĩnh vực bất động sản và xây dựng. Theo đánh giá của Moody's, nguy cơ nợ xấu chiếm khoảng 1/3 trong tổng các khoản vay nợ có thể chấp.

Mặc dù thiếu đi tài sản đảm bảo nhưng các nhà đầu tư nhỏ lẻ ở Trung Quốc vẫn mong đợi các ngân hàng hoặc Chính phủ giúp đỡ họ chi trả các khoản thua lỗ. Năm 2012, một số WMPs trong lĩnh vực có rủi ro cao như là khai thác mỏ đã thông báo thua lỗ. Gaston Gelos, Giám đốc bộ phận phân tích ổn định tài chính toàn cầu của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) đã cảnh báo rằng các nhà đầu tư đang đánh giá thấp các rủi ro có thể gặp phải của WMPs (Wei Jiang, 2014).

### **1.3. Giám sát ngân hàng ngầm ở Trung Quốc**

Ngành ngân hàng ngầm ở Trung Quốc đã có nhiều sự thay đổi về hình thức, hầu hết các nhà quản lý hy vọng các kênh cho vay hiện tại có thể phục hồi ngân hàng truyền thống. Ở Trung Quốc, ngân

hàng ngầm là kênh được bỏ qua các quy định của ngân hàng. Nếu Chính phủ muốn cải tổ lại hệ thống ngân hàng sẽ mất rất nhiều thời gian, và hoạt động ngân hàng ngầm sẽ không kéo dài (Cai, May 2015). Thật vậy, sau năm năm liên tiếp, 30% tốc độ tăng trưởng bắt đầu chững lại. Dịch vụ đầu tư Moody's ước tính tốc độ tăng trưởng hiện tại chỉ phù hợp với tốc độ tăng trưởng GDP danh nghĩa của Trung Quốc. Đâu chậm lại là kết quả của:

- Di chuyển của khu vực ngân hàng chính thức sang hệ thống ngân hàng ngầm để thu hút vốn của khách hàng.
- Nỗ lực của Chính phủ chỉ kiểm tra một số khía cạnh rủi ro nhất của ngân hàng ngầm. Các nhà quản lý muốn các ngân hàng an toàn bằng cách hạn chế cho vay. Mặc khác, họ vẫn muốn duy trì tốc độ tăng trưởng vượt bậc và mong muốn này tất nhiên sẽ đến nhu cầu tín dụng khổng lồ. Vì vậy, nhìn chung qui định đối với hệ thống ngân hàng ngầm vẫn được thả lỏng.
- Quy định (về vốn, về trần lãi suất tiền gửi, giới hạn cho vay) của PBOC đã hạn chế các hoạt động của ngân hàng truyền thống.
- Nhu cầu tín dụng yếu: PBOC báo cáo rằng việc tạo ra tín dụng từ tất cả các nguồn đã giảm 6% vào năm 2014 so với năm trước (Wildau, Gabriel, 2 February 2015). Sự suy thoái kinh tế đã được đặc biệt chú ý trong bất động sản, một nguồn chính của vay ngầm. Thực tế hiện Trung Quốc chưa có một khuôn khổ giám

sát ngân hàng ngầm rõ ràng. Theo nhóm tác giả, có hai khuôn khổ giám sát mà Chính phủ Trung Quốc có thể đưa ra nhằm quản lý hệ thống ngân hàng ngầm hiện nay, đó là:

i) Các ngân hàng truyền thống di chuyển ra khỏi hệ thống ngân hàng ngầm: Trong hai thập kỷ vừa qua, Trung Quốc đã áp đặt một tỷ lệ cho vay tối đa 75% tiền gửi trong khuôn khổ các biện pháp để ngăn ngừa rủi ro. Trần này đã được bãi bỏ vào tháng 10/2015, nhưng vẫn giữ mức 66% (9/2015). Tuy nhiên tỷ lệ này vẫn đang ở mức cao, và việc điều chỉnh này không có nhiều tác động đến dòng vốn chảy vào ngân hàng ngầm (thông qua sản phẩm quản lý tài sản). Do đó các nhà quản lý nên hạ thấp hơn nữa tỷ lệ này và nâng cao hoặc xóa bỏ mức lãi suất trần đối với người gửi tiền, thông qua đó các ngân hàng có thể sinh lời thông qua việc cho những khách hàng của ngân hàng ngầm vay vốn. Cả hai cách trên đều có thể giảm tầm ảnh hưởng của ngân hàng ngầm bởi vì những người đi vay sẽ được giảm bớt áp lực sinh lời trong kinh doanh thông qua việc lựa chọn dịch vụ của ngân hàng truyền thống. Cuối cùng, ngân hàng ngầm sẽ dần trở nên là một lựa chọn kém hấp dẫn hơn trước.

ii) Ngân hàng truyền thống tiếp nhận ngân hàng ngầm: Đây là một khuôn khổ gần như đối lập giải pháp trên áp dụng đối với những ngân hàng lớn nhất của Trung Quốc nhằm cải thiện Sản phẩm quản lý tài sản trong bảng cân đối kế toán, đặc biệt trường hợp Đảng

<sup>7</sup> Industrial & Commercial Bank of China, China Construction Bank, Bank of China, Agricultural Bank of China.

Cộng Sản Trung Quốc thất bại trong việc nhanh chóng cải tổ hệ thống pháp luật. Mặc dù bốn ngân hàng lớn (là ICBC, CCB, ABC, BoC) đang chiếm hơn một nửa cổ phiếu của WMP, động lực phát triển của các ngân hàng này được đảm bảo vững chắc nhằm đối phó với nỗ lực của các ngân hàng nhỏ hơn trong việc thu hút những nhà đầu tư (gửi tiền). Thực tế, có rất nhiều ngân hàng lớn giữ lại ít nhất là một số sản phẩm quản lý tài sản trong bảng cân đối kế toán bởi vì mục tiêu của các ngân hàng đó không phải là để lẩn tránh các chính sách quản lý (Wildau, Gabriel, 2 February 2015).

Hệ thống bốn ngân hàng lớn này nên bắt đầu coi các sản phẩm quản lý tài sản như là một nguồn thu nhập (income) và thu hút các nhà đầu tư bằng cách nâng cao lợi tức huy động. Điều đó có thể dẫn đến việc nâng cao lãi suất đối với người đi vay hoặc làm giảm khoản dự trữ đối ngân hàng trung ương (Allen, May 2015).

## 2. Hoạt động ngân hàng ngầm ở Việt Nam

### 2.1. Động cơ ngân hàng ngầm ở Việt Nam

(1) *Chính sách tiền tệ thắt chặt*: Do ảnh hưởng cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008, Việt Nam liên tục thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất cho vay ở ngân hàng từ mức 20%- 25% những năm trước đó, thì vào năm 2016 chỉ còn 6%- 9%/năm đối với ngắn hạn và 9%- 11% đối

với trung và dài hạn. Do đó lợi nhuận của các ngân hàng bị giảm sút, từ đó tạo điều kiện cho sự phát triển các hoạt động của ngân hàng ngầm ở Việt Nam.

(2) Các nhà đầu tư tìm kiếm nguồn lợi nhuận cao hơn: Tỷ lệ lạm phát giai đoạn 2008-2011 cao hơn nhiều so với lãi suất ngân hàng, làm cho người gửi tiền có xu hướng muốn tìm kiếm nơi gửi tiền với mức lợi nhuận cao hơn và đây cũng là cơ hội cho các tổ chức tài chính phi ngân hàng, tài chính cá nhân phát triển (Ủy ban Giám sát Quốc gia, 2013).

### 2.2. Định nghĩa và công cụ ngân hàng ngầm ở Việt Nam

Ngân hàng ngầm ở Việt Nam được hiểu là hoạt động trung gian tín dụng thực hiện bên cạnh hệ thống ngân hàng truyền thống, có kiểm soát. Thực chất ngân hàng ngầm là hoạt động cung cấp tín dụng mang tính chất ngân hàng do các định chế tài chính phi ngân hàng thực hiện nhưng chưa nằm trong quy chuẩn bắt buộc của ngành Ngân hàng (Ủy ban Giám sát Quốc gia, 2013). Hoạt động ngân hàng ngầm tại Việt Nam chủ yếu của các công ty chứng khoán (CTCK) và công ty quản lý quỹ (CTQLQ), các công cụ khác như: Thuê tài chính, cầm đồ, tín dụng đen, công ty quản lý tài sản. Bên cạnh các hoạt động thông thường có tính chất như tín dụng (repo cổ phiếu, trái phiếu, cho vay margin), các CTCK và CTQLQ còn là trung gian tài chính giúp cho tổ chức

tín dụng giải ngân cho các đối tượng sau: (i) Cổ đông lớn của NH; (ii) các khoản tín dụng đối với lĩnh vực phi sản xuất, bị hạn chế cho vay; (iii) các khoản vay cần đảo nợ. Theo thông tin từ Trung tâm Thông tin của Bộ Thương mại<sup>8</sup>: Kết quả kinh doanh của 18 CTQLQ đang hoạt động trên thị trường cho thấy có 4 CTQLQ có lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2015 tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước là Vietinbank Capital (gấp 3 lần, đạt 30 tỷ đồng), Vinafund (gấp 6,5 lần, đạt 20 tỷ đồng), SSIAM (gấp đôi, đạt hơn 18 tỷ đồng), FPT Capital (tăng 9%, đạt 3,6 tỷ đồng) (Hùng, 2016).

### 2.3. Bối cảnh tài chính tác động đến hoạt động ngân hàng ngầm ở Việt Nam

*Thứ nhất*, hệ thống tài chính Việt Nam phụ thuộc nhiều vào tín dụng ngân hàng giống với cấu trúc tài chính dựa chủ yếu vào hệ thống ngân hàng như Trung Quốc. Khu vực ngân hàng vẫn được xem là chủ đạo trong hệ thống tài chính, với tổng tài sản hơn 6,5 triệu tỷ đồng (165% GDP năm 2014), chiếm gần 95% tổng tài sản của cả hệ thống tài chính. Hệ thống ngân hàng vẫn là kênh huy động vốn chủ yếu góp phần vào mức tăng trưởng đầu tư toàn xã hội và tăng trưởng kinh tế. Dự nợ cho vay của hệ thống các tổ chức tín dụng tương đương 107% GDP năm 2014 (Hùng, 2016).

*Thứ hai*, SMEs khó tiếp cận với nguồn vốn từ phía ngân

<sup>8</sup> Toàn cảnh ngân hàng-vinanet.com

hàng mặc dù thời gian qua đã được quan tâm và hỗ trợ. Theo TS. Võ Trí Thành, Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương cho biết, hiện nay chỉ có khoảng 30% SMEs tiếp cận được với vốn ngân hàng. Lý do được đưa ra là do các SME thiếu các điều kiện đảm bảo tín dụng cho mình, còn ngân hàng không thiếu vốn nhưng lại thiếu niềm tin trong quan hệ tín dụng đối với SMEs.

Tuy nhiên, theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2004, các tổ chức tín dụng, ngân hàng đã được trao quyền tự chủ, được quyết định cho vay không thể chấp từ ngày 01/10/2004 (Bảng 8).

Trên thị trường cho vay tín chấp, VPbank được đánh giá là một trong các ngân hàng có mức lãi suất cho vay tín chấp cao nhất và thủ tục hồ sơ yêu cầu vay vốn đơn giản, với mức lãi suất là 35%/năm gốc trả đều, lãi trả theo dư nợ giảm dần (Bảng 8).

Hầu hết các ngân hàng ở Việt Nam hiện nay chỉ áp dụng cho vay tín chấp đối với những khách hàng có áp dụng trả

lương thông qua dịch vụ trả lương của ngân hàng, và với cán bộ nhân viên của ngân hàng. Chỉ có một số NHTM cổ phần áp dụng cho vay tín chấp đối với khách hàng ngoài không trả lương qua hệ thống của ngân hàng tiêu biểu như VPbank và Techcombank. Do đó các doanh nghiệp không thể tiếp cận được các nguồn vốn vay của các ngân hàng (RED, 2015).

Thứ ba, các mô hình tín dụng đen ở Việt Nam ngày càng phát triển. Theo số liệu từ năm 2010 trở lại đây, có khoảng 49.000 vụ việc liên quan đến tội phạm “tín dụng đen” được phát hiện. Như vậy, trung bình có 10.000 vụ/năm, mỗi ngày có 29 vụ và mỗi giờ làm việc có 3,6 vụ “tín dụng đen” được phát hiện tại Việt Nam (RED, 2015).

**3. Kết luận và một số khuyến nghị quản lý ngân hàng ngầm ở Việt Nam**

Xây dựng một khuôn khổ giám sát hệ thống ngân hàng ngầm là cần thiết đối với Việt Nam do những nguy cơ rủi ro mà hoạt động ngầm mang lại nếu không được quản lý tốt. Hệ

thống ngân hàng ngầm ở Việt Nam hiện nay chiếm khoảng 30% tổng tín dụng thực do hệ thống ngân hàng cung cấp. Tuy nhiên còn nhiều rủi ro có thể ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế như:

(1) Rủi ro chéo: Là rủi ro xảy ra khi những sản phẩm repo chứng khoán (nhà đầu tư đi vay tiền và thế chấp bằng cổ phiếu), margin (giao dịch ký quỹ) phát sinh và gây ra rủi ro thì đồng thời sẽ tác động ảnh hưởng đến ngân hàng.

(2) Rủi ro nợ xấu mặc dù thời gian gần đây nợ xấu tại các NHTM đang được quản lý tốt hơn và đang giảm dần.

Vì vậy, Chính phủ cần minh bạch hóa hệ thống ngân hàng ngầm, và có các giải pháp quản lý cụ thể:

- Thực hiện các quy định cụ thể bảo vệ NHTM từ các kết nối với ngân hàng ngầm trong hệ thống ngân hàng dựa vào khuôn khổ giám sát quản lý ngân hàng ngầm.

- Các chuyên gia ngân hàng đã đánh giá về hệ lụy của “ngân hàng ngầm” nếu không rõ luồng tiền đi vào đâu, bất động sản, hay chứng khoán,

**Bảng 8. Chính sách cho vay tín chấp của một số ngân hàng thương mại ở Việt Nam năm 2016**

Tên NH	Số tiền cho vay tối đa	Thời hạn cv tối đa	Lãi suất sản cv	Đối tượng giải ngân	Tg quyết định cv tối đa
Vietinbank	12 lần lương, không quá 300 triệu	36 tháng	12,5%/năm	Khách hàng vay vốn hoặc người thụ hưởng	01 ngày (24 giờ)
BIDV	15 lần lương không quá 500 triệu	60 tháng	12,5%/năm	Khách hàng vay vốn hoặc người thụ hưởng	
Vietcombank	12 lần lương không quá 300 triệu	36 tháng	11,5%/năm	Khách hàng vay vốn hoặc người thụ hưởng	03 ngày
MB	20 lần lương không quá 500 triệu	48 tháng		Khách hàng vay vốn hoặc người thụ hưởng	
Techcombank	7 lần thu nhập/ tháng không quá 200 triệu	48 tháng	18%/năm	Khách hàng vay vốn hoặc người thụ hưởng	02 ngày
HSBC	15 lần lương không quá 200 triệu	48 tháng	23%/năm	Khách hàng vay vốn hoặc người thụ hưởng	02 ngày
VPbank	10 lần lương không quá 200 triệu	60 tháng	35%/năm	Khách hàng vay vốn hoặc người thụ hưởng	01 ngày

*Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp*



hay mua bán, hay tiêu dùng... Do vậy, muốn quản lý hoạt động “ngân hàng ngầm” cần theo dõi giám sát rất chặt chẽ liên thông giữa các ngân hàng và đơn vị phi ngân hàng; sớm đưa ra những những báo động, cảnh báo rủi ro để hạn chế những tác động ảnh hưởng đến an toàn hệ thống.

- Tăng tính hấp dẫn của các dịch vụ NHTM thông qua việc tăng cường quản lý rủi ro ngân hàng ngầm và tăng tính minh bạch của hoạt động NHTM, tối ưu hóa các quy trình về vốn tới khách hàng, giảm chi phí tín dụng, tăng hiệu quả trong hoạt động cho vay và bộ phận giám sát rủi ro.

- Qui định chặt chẽ việc phát hành trái phiếu của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước. Về hoạt động chứng khoán hóa có thể tham khảo kinh nghiệm từ những quốc gia phát triển như Mỹ, khu vực châu Âu để đưa ra các quy định kiểm soát hoạt động này. ■

### Tài liệu tham khảo

1. Allen, F. (May 2015). *Shadow Banking in China. The Fourth Symposium on Emerging Financial. Columbia Business School.*
2. Cai, H. (May 2015). *Policy Perspectives. The Fourth Symposium on Emerging Financial. Columbia Business School.*
3. Eliot, Douglas and Kroeber, Arthur and Qiao, Yu. (3/2015). "Shadow Banking in China: A Primer.". (p. 1). *Brookings Institution.*
4. Franklin Allen and Qian, Y. a. (2015). "Entrusted Loans: A Close Look at China's Shadow Banking System". Retrieved 7 22, 2015, from <http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.2621330>.
5. Franklin Allen, Y. Q. (2015). *Entrusted Loans: A Close Look at China's Shadow Banking System.*
6. Hsu, J.L.a.S. (2012). *Shadow banking in China. Central University of Finance and Economics. Beijing, SUNY New Paltz.*
7. Hùng, Đ. V. (2016). *Toàn cảnh ngân hàng. Hà Nội: Vụ trưởng vụ Ổn định tiền tệ- NHNN.*
8. Poschmann, J. (2014). *The shadow banking system: an analysis of FSB proposed regulation on money market funds in respect to financial stability. Diss. Jena, Friedrich-Schiller-Universit-t Jena, Diss.*
9. RED. (2015). *Giải cứu người nghèo khỏi bẫy tín dụng đen. Tổng cục phòng chống tội phạm - Bộ Công An.*
10. Sheng, Andrew, et al. (2015). "Bringing light upon the shadow: A review of the Chinese shadow banking sector. *Oliver Wyman and Fung Global Institute 3* .
11. Ủy ban Giám sát Quốc gia, U. (2013). *Báo cáo tổng quan thị trường tài chính.*
12. Wei Jiang, A. (2014). *The Future of Shadow Banking in China. The Jerome A. Chazen Institute of International Business. Columbia Business School.*
13. Wildau, Gabriel. (2 February 2015). *China shadow bank. Financial Times* .

### Thông tin tác giả

**Nguyễn Thị Thủy**, Thạc sỹ  
Email: [thuynt\\_qtkd@epu.edu.vn](mailto:thuynt_qtkd@epu.edu.vn)

**Nguyễn Thị Kiều Trang**, Thạc sỹ  
Email: [kieustrang2709@gmail.com](mailto:kieustrang2709@gmail.com)

**Đặng Quốc Hương**, Thạc sỹ  
Email: [quochuong287@gmail.com](mailto:quochuong287@gmail.com)

\* Khoa Quản trị Kinh doanh, Đại học Điện Lực

### Summary

#### Shadow banking in China and suggestions for Vietnam

Shadow banking (SB) is a form of credit intermediation that is growing fast globally, in which China is an identical market of this process. Despite shadow banking provides a beneficial service used to raise finance, its structure and activities lack transparency and it (Poschmann, 2014) is prone to a variety of risks. This document reviews fundamental tools, mechanism as well as potential risks and monitoring framework of Chinese shadow banking system. In addition, this paper examines shadow banking institutions in Vietnam and gives several recommendations for establishing standards to mitigate disadvantages while preserving its' advantages in Vietnam.

Keywords: Shadow banking, China, Vietnam.

**Thuy Thi Nguyen**, M.Ec\*

**Trang Thi Kieu Nguyen**, M.Ec\*

**Huong Quoc Dang**, M.Ec\*

\* Faculty of Management, Electric Power University